Số: 209/QĐ-BĐD(BCĐ); 13/11/2026; 15:45:15;

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NHCSXH TỈNH

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KHTD NĂM 2026 CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

(Kèm Quyết định số 209/QĐ-BĐD ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đvt: triệu đồng

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN TỔ CHỨC - CÁ NHÂN		NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG											
				CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH VKK		CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT		CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM (NHCS HUY ĐỘNG TT)		CHO VAY NHÀ Ở XÃ HỘI NĐ 100 (TT)		CV NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ (QĐ22/2023)		CHO VAY WB3	
		Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	**PGD Bình Sơn**	**-5.000,0**	**87.899,4**	**-**	**5.424,7**	**+14.000,0**	**325.778,9**	**+3.000,0**	**107.546,8**	**+1.500,0**	**23.304,3**	**+700,0**	**4.873,6**	**-**	**310,0**
	Xã Bình Minh			-	-	*+2.000,0*	*35.263,0*	*-204,0*	*13.265,0*	-	*1.270,0*	-	*95,0*	-	*310,0*
	Xã Bình Chương			-	-	*+1.400,0*	*26.735,0*	*-85,0*	*9.575,0*	*+200,0*	*1.043,0*	*+100,0*	*818,0*	-	-
	Xã Bình Sơn			-	*1.166,0*	*+4.100,0*	*111.137,0*	*+1.500,0*	*31.646,9*	*+1.000,0*	*16.110,0*	*+400,0*	*1.921,0*	-	-
	Xã Vạn Tường			*-94,3*	*3.279,0*	*+2.900,0*	*77.893,0*	*+1.100,0*	*28.289,8*	*-14,8*	*1.821,0*	-	*422,0*	-	-
	Xã Đông Sơn			*+94,3*	*979,7*	*+3.600,0*	*74.750,9*	*+689,0*	*24.770,1*	*+314,8*	*3.060,3*	*+200,0*	*1.617,6*	-	-
2	**PGD Sơn Tịnh**	**-1.600,0**	**27.345,0**	**-**	**302,8**	**+3.000,0**	**158.139,8**	**+1.000,0**	**87.395,1**	**-**	**5.987,9**	**-**	**723,0**	**+180,0**	**585,3**
	Xã Ba Gia			-	-	*+1.450,0*	*35.129,0*	*+301,0*	*18.344,6*	-	*657,1*	-	*48,0*	*+41,0*	*176,0*
	Xã Sơn Tịnh			-	-	*+1.132,0*	*55.041,0*	*+151,0*	*30.099,6*	-	*3.462,0*	-	*285,0*	-	-
	Xã Thọ Phong			-	-	*+1.390,0*	*31.882,0*	*+260,0*	*12.928,0*	-	-	-	-	*-2,0*	*45,0*
	Xã Trường Giang			-	*302,8*	*-972,0*	*36.087,8*	*+288,0*	*26.022,9*	-	*1.868,8*	-	*390,0*	*+141,0*	*364,3*
3	**PGD Nghĩa Hành**	**-1.000,0**	**26.162,1**	**-**	**-**	**+2.000,0**	**172.547,5**	**+2.000,0**	**87.904,7**	**+1.000,0**	**10.585,0**	**+400,0**	**1.540,0**	**-**	**-**
	Xã Nghĩa Hành			-	-	*+569,7*	*51.933,6*	*+210,0*	*23.590,0*	*+1.005,0*	*8.564,0*	-	*460,0*	-	-
	Xã Phước Giang			-	-	*-30,1*	*37.297,2*	*+770,0*	*17.916,0*	*-5,0*	*1.335,0*	*+200,0*	*480,0*	-	-
	Xã Thiện Tín			-	-	*+800,2*	*31.082,1*	*+520,0*	*20.841,8*	-	*686,0*	-	*200,0*	-	-
	Xã Đình Cương			-	-	*+660,2*	*52.234,6*	*+500,0*	*25.556,9*	-	-	*+200,0*	*400,0*	-	-
4	**PGD Tư Nghĩa**	**-3.200,0**	**39.232,9**	**-**	**-**	**+2.000,0**	**201.979,5**	**+8.000,0**	**72.579,2**	**-**	**21.486,9**	**-**	**307,0**	**-**	**-**
	Xã Nghĩa Giang			-	-	*+500,0*	*49.760,4*	*+1.325,0*	*15.299,6*	*+110,0*	*2.862,0*	-	*50,0*	-	-
	Xã Trà Giang			-	-	*+400,0*	*41.605,0*	*+1.810,0*	*14.323,8*	*-10,0*	*916,2*	-	-	-	-
	Xã Tư Nghĩa			-	-	*+600,0*	*60.828,5*	*+2.635,0*	*26.359,7*	*-225,0*	*13.861,4*	-	*167,0*	-	-
	Xã Vệ Giang			-	-	*+500,0*	*49.785,6*	*+2.230,0*	*16.596,1*	*+125,0*	*3.847,3*	-	*90,0*	-	-

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN TỔ CHỨC - CÁ NHÂN		NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG											
				CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH VKK		CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT		CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM (NHCS HUY ĐỘNG TT)		CHO VAY NHÀ Ở XÃ HỘI NĐ 100 (TT)		CV NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ (QĐ22/2023)		CHO VAY WB3	
		Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm
5	**PGD Mộ Đức**	**-1.600,0**	**42.854,7**	**-**	**50,0**	**+2.000,0**	**131.017,2**	**+2.000,0**	**67.591,6**	**-64,0**	**14.802,5**	**+250,0**	**1.025,0**	**-**	**-**
	xã Long Phụng			-	-	*+600,0*	*37.317,3*	*+500,0*	*19.345,0*	*-2,0*	*145,0*	-	*200,0*	-	-
	xã Lân Phong			-	*50,0*	*+400,0*	*23.243,9*	*+500,0*	*12.329,5*	*-33,0*	*4.971,0*	*+150,0*	*350,0*	-	-
	xã Mỏ Cày			-	-	*+400,0*	*36.066,6*	*+500,0*	*14.977,4*	*-12,0*	*4.688,0*	*+100,0*	*260,0*	-	-
	xã Mộ Đức			-	-	*+600,0*	*34.389,4*	*+500,0*	*20.939,7*	*-17,0*	*4.998,5*	-	*215,0*	-	-
6	**PGD Đức Phổ**	**-1.000,0**	**38.591,6**	**-**	**6.880,3**	**-**	**72.560,6**	**+8.000,0**	**101.042,0**	**-**	**9.973,7**	**-**	**1.230,0**	**-**	**-**
	Phường Sa Huỳnh			-	*520,0*	-	*8.281,0*	*+700,0*	*20.620,4*	-	-	-	*100,0*	-	-
	Phường Trà Câu			-	*1.544,8*	-	*15.110,0*	*+2.200,0*	*31.499,6*	-	*2.001,7*	-	*280,0*	-	-
	Phường Đức Phổ			-	-	-	*491,0*	*+4.000,0*	*27.403,0*	-	*7.057,0*	-	*460,0*	-	-
	Xã Khánh Cường			-	*4.816,0*	-	*23.453,0*	*+400,0*	*10.702,5*	-	*635,0*	-	*390,0*	-	-
	Xã Nguyễn Nghiêm			-	-	-	*25.225,6*	*+700,0*	*10.816,5*	-	*280,0*	-	-	-	-
7	**PGD Trà Bồng**	**-3.900,0**	**60.223,3**	**+7.000,0**	**116.017,7**	**+5.000,0**	**83.012,7**	**-**	**51.282,0**	**-12,0**	**3.864,0**	**-**	**85,0**	**+750,0**	**750,0**
	Xã Cà Đam			*+1.000,0*	*14.614,8*	*+500,0*	*7.531,3*	-	*3.832,0*	-	-	-	-	*+558,0*	*558,0*
	Xã Thanh Bồng			*+1.000,0*	*10.065,5*	*+500,0*	*6.733,7*	-	*4.826,5*	-	-	-	-	-	-
	Xã Trà Bồng			*+1.000,0*	*42.812,4*	*+1.500,0*	*34.304,8*	-	*15.241,5*	*-12,0*	*3.164,0*	-	*85,0*	*+170,0*	*170,0*
	Xã Tây Trà			*+1.000,0*	*23.035,8*	*+500,0*	*8.718,0*	-	*2.306,9*	-	-	-	-	-	-
	Xã Tây Trà Bồng			*+1.000,0*	*12.602,2*	*+500,0*	*3.613,3*	-	*3.672,0*	-	-	-	-	-	-
	Xã Đông Trà Bồng			*+2.000,0*	*12.887,0*	*+1.500,0*	*22.111,6*	-	*21.403,1*	-	*700,0*	-	-	*+22,0*	*22,0*
8	**PGD Sơn Hà**	**-**	**34.261,8**	**+7.000,0**	**196.507,8**	**+5.000,0**	**113.933,4**	**-**	**67.979,8**	**-13,0**	**3.582,2**	**+200,0**	**250,0**	**-**	**-**
	Xã Sơn Hà			*+1.700,0*	*39.928,0*	*+1.200,0*	*25.012,0*	-	*13.785,6*	*-13,0*	*3.582,2*	*+100,0*	*100,0*	-	-
	Xã Sơn Hạ			*+1.700,0*	*38.302,0*	*+1.100,0*	*45.623,0*	-	*22.588,2*	-	-	-	*50,0*	-	-
	Xã Sơn Kỳ			*+1.000,0*	*25.776,0*	*+800,0*	*10.156,0*	-	*7.564,5*	-	-	-	-	-	-
	Xã Sơn Linh			*+1.400,0*	*47.422,0*	*+1.000,0*	*17.827,0*	-	*13.657,5*	-	-	-	-	-	-
	Xã Sơn Thủy			*+1.200,0*	*45.079,8*	*+900,0*	*15.315,4*	-	*10.384,0*	-	-	*+100,0*	*100,0*	-	-
9	**PGD Ba Tơ**	**-**	**58.962,4**	**+7.000,0**	**191.869,3**	**+4.000,0**	**81.180,0**	**-**	**62.928,6**	**-**	**1.220,0**	**-**	**90,0**	**+970,0**	**970,0**
	Xã Ba Dinh			*+700,0*	*27.262,9*	*+350,0*	*9.244,5*	*+375,0*	*4.260,0*	-	-	-	-	*+337,0*	*337,0*
	Xã Ba Tô			*+700,0*	*27.314,0*	*+550,0*	*7.679,5*	*-291,0*	*4.353,1*	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Tơ			*+2.100,0*	*28.564,6*	*+1.150,0*	*21.654,5*	*-488,0*	*19.749,0*	-	*1.220,0*	-	*90,0*	*+483,0*	*483,0*

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN TỔ CHỨC - CÁ NHÂN		NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG											
				CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH VKK		CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT		CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM (NHCS HUY ĐỘNG TT)		CHO VAY NHÀ Ở XÃ HỘI NĐ 100 (TT)		CV NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ (QĐ22/2023)		CHO VAY WB3	
		Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm
	Xã Ba Vinh			*+600,0*	*15.622,7*	*+350,0*	*6.517,0*	*+410,0*	*7.902,0*	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Vì			*+1.400,0*	*47.495,7*	*+700,0*	*17.440,0*	*-233,0*	*11.921,5*	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Xa			*+400,0*	*16.429,5*	*+300,0*	*2.925,0*	*+8,0*	*1.714,0*	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Động			*+900,0*	*24.069,5*	*+400,0*	*14.497,7*	*+415,0*	*11.745,0*	-	-	-	-	*+150,0*	*150,0*
	Xã Đặng Thuỳ Trâm			*+200,0*	*5.110,4*	*+200,0*	*1.221,8*	*-196,0*	*1.284,0*	-	-	-	-	-	-
10	**Hội sở tỉnh**	**-1.500,0**	**57.347,4**	**-**	**73,8**	**+1.000,0**	**185.181,9**	**-**	**147.498,0**	**+929,0**	**22.324,3**	**+50,0**	**893,4**	**-**	**-**
	Phường Cẩm Thành			-	-	-	-	*-107,6*	*18.890,0*	*+929,0*	*10.283,3*	-	*120,0*	-	-
	Phường Nghĩa Lộ			-	-	-	-	*-199,2*	*35.944,4*	*+656,0*	*10.977,0*	*+50,0*	*280,0*	-	-
	P.Trương Quang Trọng			-	-	-	*21.344,0*	*+327,5*	*30.207,0*	-	-	-	*422,0*	-	-
	xã An Phú			-	-	-	*89.661,4*	*+56,3*	*29.696,0*	*+150,0*	*986,0*	-	*72,0*	-	-
	xã Tịnh Khê			-	*73,8*	*+1.000,0*	*74.176,5*	*-77,0*	*32.760,6*	*-806,0*	*78,0*	-	-	-	-
11	**PGD Lý Sơn**	**-1.000,0**	**41.384,5**	**-**	**30.056,0**	**+3.000,0**	**46.407,2**	**+1.000,0**	**98.448,3**	**-27,0**	**6.351,6**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Đặc khu Lý Sơn			-	*30.056,0*	*+3.000,0*	*46.407,2*	*+1.000,0*	*98.448,3*	*-27,0*	*6.351,6*	-	-	-	-
12	**PGD Minh Long**	**+1.000,0**	**52.007,5**	**+1.000,0**	**57.460,7**	**+1.000,0**	**47.967,5**	**+1.000,0**	**60.586,6**	**-23,0**	**2.159,2**	**-**	**200,0**	**-**	**-**
	Xã Minh Long			*+600,0*	*34.714,0*	*+600,0*	*22.552,9*	*+500,0*	*28.160,0*	*-13,0*	*1.649,2*	-	-	-	-
	Xã Sơn Mai			*+400,0*	*22.746,7*	*+400,0*	*25.414,6*	*+500,0*	*32.426,6*	*-10,0*	*510,0*	-	*200,0*	-	-
13	**PGD Sơn Tây**	**-1.500,0**	**34.096,4**	**+1.000,0**	**101.467,6**	**+1.000,0**	**38.964,1**	**-**	**48.949,0**	**-**	**-**	**-**	**245,0**	**-**	**-**
	Xã Sơn Tây			*+600,0*	*51.513,0*	*+500,0*	*19.577,0*	-	*24.486,0*	-	-	-	*100,0*	-	-
	Xã Sơn Tây Hạ			*+200,0*	*19.851,0*	*+200,0*	*8.117,0*	-	*9.930,4*	-	-	-	*45,0*	-	-
	Xã Sơn Tây Thượng			*+200,0*	*30.103,6*	*+300,0*	*11.270,1*	-	*14.532,6*	-	-	-	*100,0*	-	-
14	**PGD Kon Tum**	**-5.000,0**	**33.849,8**	**+3.000,0**	**97.860,8**	**+3.000,0**	**163.933,1**	**-**	**127.696,5**	**+1.000,0**	**78.297,6**	**-**	**1.855,0**	**-**	**-**
	Phường Kon Tum			-	-	-	-	*+567,0*	*46.909,7*	-	*41.106,2*	-	*525,0*	-	-
	Phường Đăk Bla			-	-	-	-	*-149,0*	*28.366,9*	-	*9.412,0*	-	-	-	-
	Phường Đăk Cấm			-	*4.755,0*	-	*11.178,0*	*-268,0*	*26.799,7*	*+1.000,0*	*23.920,4*	-	*400,0*	-	-
	Xã Ia Chim			-	-	*+400,0*	*54.766,0*	*-29,0*	*10.073,5*	-	*1.098,0*	-	*780,0*	-	-
	Xã Ngọk Bay			*+1.000,0*	*26.800,8*	*+600,0*	*45.317,0*	*-173,0*	*7.202,7*	-	*2.289,4*	-	*150,0*	-	-
	Xã Đăk Rơ Wa			*+2.000,0*	*66.305,0*	*+2.000,0*	*52.672,1*	*+52,0*	*8.344,0*	-	*471,6*	-	-	-	-
15	**PGD Sa Thầy**	**-4.000,0**	**15.726,8**	**+4.000,0**	**194.231,2**	**+2.000,0**	**89.928,5**	**-**	**74.827,5**	**-**	**28.777,9**	**-**	**1.369,0**	**-**	**-**

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN TỔ CHỨC - CÁ NHÂN		NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG											
				CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH VKK		CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT		CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM (NHCS HUY ĐỘNG TT)		CHO VAY NHÀ Ở XÃ HỘI NĐ 100 (TT)		CV NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ (QĐ22/2023)		CHO VAY WB3	
		Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm
	Xã Mô Rai			*+500,0*	*35.339,0*	*+600,0*	*7.169,0*	*-*	*600,0*	*-*	*246,4*	*-*	*200,0*	*-*	*-*
	Xã Rờ Kơi			*+500,0*	*32.756,0*	*+300,0*	*8.049,0*	*-*	*1.000,0*	*-*	*78,0*	*-*	*-*	*-*	*-*
	Xã Sa Bình			*+1.500,0*	*40.940,0*	*+500,0*	*20.687,7*	*+17,8*	*21.380,0*	*-*	*1.347,6*	*-*	*99,0*	*-*	*-*
	Xã Sa Thầy			*+500,0*	*28.739,0*	*+300,0*	*32.734,3*	*+362,2*	*40.327,5*	*-*	*26.692,5*	*-*	*800,0*	*-*	*-*
	Xã Ya Ly			*+1.000,0*	*56.457,2*	*+300,0*	*21.288,5*	*-380,0*	*11.520,0*	*-*	*413,4*	*-*	*270,0*	*-*	*-*
16	**PGD Đăk Tô**	**-2.200,0**	**18.766,3**	**+9.000,0**	**157.949,5**	**+3.000,0**	**99.998,9**	**-**	**62.286,0**	**+1.500,0**	**26.989,0**	**+100,0**	**1.420,0**	**-**	**-**
	Xã Kon Đào			*+300,0*	*49.695,0*	*-*	*20.666,5*	*-*	*13.010,0*	*+500,0*	*1.566,0*	*-*	*100,0*	*-*	*-*
	Xã Ngọk Tụ			*+1.000,0*	*47.089,1*	*-*	*10.281,8*	*-*	*4.001,0*	*-*	*40,0*	*-*	*100,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Tô			*+7.700,0*	*61.165,4*	*+3.000,0*	*69.050,6*	*-*	*45.275,0*	*+1.000,0*	*25.383,0*	*+100,0*	*1.220,0*	*-*	*-*
17	**PGD Dak Glei**	**-3.900,0**	**37.472,7**	**+1.000,0**	**244.194,1**	**+1.000,0**	**85.550,8**	**-**	**48.327,6**	**-**	**15.292,0**	**-**	**1.033,0**	**-**	**-**
	Xã Ngọc Linh			*-*	*16.777,0*	*-*	*1.781,0*	*-143,0*	*2.478,0*	*-*	*-*	*-*	*100,0*	*-*	*-*
	Xã Xốp			*-*	*38.400,0*	*-*	*9.065,0*	*-137,2*	*1.764,0*	*-*	*-*	*-*	*55,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Long			*+850,0*	*47.241,0*	*+200,0*	*12.228,0*	*-497,0*	*3.614,0*	*-*	*-*	*-*	*200,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Môn			*-*	*39.885,0*	*-*	*26.928,0*	*-96,4*	*16.003,0*	*-*	*352,0*	*-*	*248,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Plô			*-*	*25.275,0*	*-*	*5.085,0*	*-255,0*	*3.329,0*	*-*	*-*	*-*	*130,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Pék			*+150,0*	*76.616,1*	*+800,0*	*30.463,8*	*+1.128,6*	*21.139,6*	*-*	*14.940,0*	*-*	*300,0*	*-*	*-*
18	**PGD Kon Rẫy**	**-3.000,0**	**21.063,6**	**+4.000,0**	**144.103,4**	**+3.000,0**	**90.592,6**	**-**	**54.849,7**	**-50,0**	**8.795,8**	**-**	**1.705,0**	**-**	**-**
	Xã Kon Braih			*+2.000,0*	*69.224,0*	*+1.500,0*	*55.660,0*	*-*	*26.734,7*	*-21,0*	*6.683,0*	*-*	*840,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Kôi			*+800,0*	*20.418,0*	*+600,0*	*12.360,0*	*-*	*14.706,0*	*-*	*-*	*-*	*380,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Rve			*+1.200,0*	*54.461,4*	*+900,0*	*22.572,6*	*-*	*13.409,0*	*-29,0*	*2.112,8*	*-*	*485,0*	*-*	*-*
19	**PGD Đak Hà**	**-2.200,0**	**21.901,0**	**+2.000,0**	**137.573,3**	**+2.000,0**	**127.820,9**	**+1.000,0**	**59.349,1**	**-100,0**	**35.652,8**	**-**	**1.232,0**	**-**	**-**
	Xã Ngọk Réo			*+600,0*	*49.221,0*	*+250,0*	*25.729,0*	*-136,4*	*4.161,0*	*-*	*931,0*	*-*	*150,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Hà			*-*	*7.901,0*	*+450,0*	*41.777,0*	*+1.231,0*	*28.576,1*	*-96,0*	*27.104,0*	*-*	*562,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Mar			*-*	*17.057,0*	*+900,0*	*33.830,0*	*+1.591,9*	*19.067,0*	*-*	*5.162,0*	*-*	*450,0*	*-*	*-*
	Xã Đăk Pxi			*+500,0*	*26.671,0*	*-*	*6.123,0*	*-250,0*	*490,0*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
	Xã Đăk Ui			*+900,0*	*36.723,3*	*+400,0*	*20.361,9*	*-1.436,5*	*7.055,0*	*-4,0*	*2.455,8*	*-*	*70,0*	*-*	*-*
20	**PGD Ngọc Hồi**	**-3.000,0**	**14.362,9**	**+2.000,0**	**99.521,9**	**+1.000,0**	**121.809,5**	**-**	**63.372,1**	**-**	**9.654,0**	**-**	**1.690,0**	**-**	**-**
	Xã Bờ Y			*+800,0*	*32.589,9*	*+400,0*	*54.568,0*	*+1.325,0*	*35.538,1*	*-*	*9.554,0*	*-*	*1.000,0*	*-*	*-*

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN TỔ CHỨC - CÁ NHÂN		NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG											
				CHO VAY SẢN XUẤT KINH DOANH VKK		CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT		CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM (NHCS HUY ĐỘNG TT)		CHO VAY NHÀ Ở XÃ HỘI NĐ 100 (TT)		CV NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ (QĐ22/2023)		CHO VAY WB3	
		Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm	Điều chỉnh tăng(+) /giảm(-)	Số dư kế hoạch năm
	Xã Dục Nông			*+800,0*	*48.688,0*	*+300,0*	*35.511,0*	*-835,0*	*13.531,0*	-	*100,0*	-	*390,0*	-	-
	Xã Sa Loong			*+400,0*	*18.244,0*	*+300,0*	*31.730,5*	*-490,0*	*14.303,0*	-	-	-	*300,0*	-	-
21	**PGD Ia H Drai**	**-1.700,0**	**50.010,9**	**+1.000,0**	**35.361,4**	**+1.000,0**	**42.009,8**	**+2.000,0**	**36.940,1**	**+360,0**	**8.532,7**	**-**	**800,0**	**-**	**-**
	Xã Ia Tơi			*+750,0*	*23.409,0*	*+650,0*	*27.597,0*	*+1.350,0*	*23.198,9*	*+360,0*	*8.532,7*	-	*575,0*	-	-
	Xã Ia Đal			*+250,0*	*11.952,4*	*+350,0*	*14.412,8*	*+650,0*	*13.741,2*	-	-	-	*225,0*	-	-
22	**PGD Tu Mơ Rông**	**-1.700,0**	**54.746,6**	**+2.000,0**	**105.383,8**	**+2.000,0**	**40.599,9**	**-**	**63.867,1**	**-**	**-**	**-**	**961,0**	**-**	**-**
	Xã Măng Ri			*+500,0*	*20.839,0*	*+500,0*	*8.033,0*	*-257,6*	*19.222,0*	-	-	-	*421,0*	-	-
	Xã Tu Mơ Rông			*+500,0*	*26.713,0*	*+500,0*	*11.909,0*	*+240,0*	*13.902,0*	-	-	-	*100,0*	-	-
	Xã Đăk Sao			*+500,0*	*31.031,8*	*+500,0*	*7.338,9*	*+22,5*	*15.293,0*	-	-	-	*440,0*	-	-
	Xã Đắk Tờ Kan			*+500,0*	*26.800,0*	*+500,0*	*13.319,0*	*-4,9*	*15.450,1*	-	-	-	-	-	-
23	**PGD Kon Plông**	**-3.000,0**	**48.959,8**	**+2.000,0**	**58.088,6**	**+2.000,0**	**47.295,2**	**+1.000,0**	**76.033,1**	**-**	**3.103,0**	**-**	**1.736,0**	**-**	**-**
	Xã Kon Plông			*+800,0*	*15.653,0*	*+800,0*	*11.712,0*	*+500,0*	*11.163,0*	-	-	-	*350,0*	-	-
	Xã Măng Bút			*+500,0*	*28.981,5*	*+700,0*	*14.869,0*	*+300,0*	*8.582,8*	-	-	-	*936,0*	-	-
	Xã Măng Đen			*+700,0*	*13.454,1*	*+500,0*	*20.714,2*	*+200,0*	*56.287,3*	-	*3.103,0*	-	*450,0*	-	-
X	**Tổng cộng**	**-50.000,0**	**917.229,2**	**+53.000,0**	**1.980.378,7**	**+63.000,0**	**2.568.209,5**	**+30.000,0**	**1.729.280,5**	**+6.000,0**	**340.736,4**	**+1.700,0**	**25.263,0**	**+1.900,0**	**2.615,3**